

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2019/DS-ST

Ngày: 13-11-2019

*V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thành

Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/DSST ngày 06-5-2019 về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4960/2019/QĐXX-DS ngày 02-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5376/2019/QĐST-DS ngày 22-10-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, Phường P, Quận K, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 126/2019/UQ-TTT ngày 08-7-2019).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 51 đường C, phường Đường L, Quận G, Thành phố H.

Phiên toà vắng mặt ông Đ, ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-9-2014, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lã Ngọc M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18-8-2011, bị đơn có ký với nguyên đơn Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 128.343.852 đồng.

Tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bị đơn phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 158.722.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán theo bản sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 26-12-2017, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong đó dư nợ gốc là 46.065.005 đồng; áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225%/ tháng (2.15% x 150) tính từ ngày bị đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại là 688 ngày, cụ thể tiền lãi tính như sau:

Lãi suất 1 ngày là: $46.065.005 \text{ đồng} \times 3.225\% : 30 \text{ ngày} = 49.520 \text{ đồng}$;

Lãi quá hạn là: $49.520 \text{ đồng} \times 688 \text{ ngày} = 26.344.640 \text{ đồng}$

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 46.065.005 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 34.069.760 đồng.

Bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho nguyên đơn kể từ ngày 14-11-2019 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai ngày 13-11-2019 nộp cho Tòa án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 46.065.005 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26-12-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 13-11-2019 là 34.069.760 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận G phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bị đơn là ông Nguyễn Thành Đ, cư trú tại Số 51 đường C, phường Đường L, Quận G, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc 46.065.005 đồng;

[4] Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn cũng như các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình tại tòa, bao gồm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); Bản sao kê có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với nguyên đơn và đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 128.343.852 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 26-12-2017, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, trong đó dư nợ gốc là 46.065.005 đồng. Căn cứ Hợp đồng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26-12-2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13-11-2019 là 34.069.760 đồng.

[6] Căn cứ Thông báo Số 113/TB-TTT ngày 04-7-2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ quốc tế Sacombank, thì mức lãi suất được áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế Sacombank là 2,15%/ tháng, áp dụng kể từ ngày 06-7-2011 đến nay. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng, mức lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi trong hạn, do đó mức lãi suất nợ quá hạn là 3,225%/ tháng tính từ ngày bị đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại là 688 ngày, cụ thể tiền lãi tính như sau: Lãi suất 1 ngày là: 46.065.005 đồng x 3,225% : 30 ngày = 49.520 đồng; Lãi quá hạn là: 49.520 đồng x 688 ngày = 34.069.760 đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26-12-2017 đến nay, ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18-8-2011.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.006.738 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18-8-2011 là 80.134.765 đồng (tám mươi triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 46.065.005 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 13-11-2019 là 34.069.760 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.006.738 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B 1.683.965 tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AB/2018/0007408 ngày 19-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18-8-2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm